

Tháp Mười, ngày 31 tháng 08 năm 2023

DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU – ĐỌC GIỐNG NHAU (LASA – Look Alike, Sound Alike)

Cập nhật từ ngày 31/8/2023

Những thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (còn gọi là thuốc LASA – Look Alike, Sound Alike) thường có thể bị nhầm lẫn khi sử dụng, gây ra các tác dụng có hại cho người bệnh.

Việc quản lý thuốc thuộc danh sách LASA cần bảo đảm:

- Ghi y lệnh rõ ràng tên thuốc, hàm lượng, dạng bào chế, liều.
- Sắp xếp các thuốc LASA tại các vị trí xa nhau, không để cạnh nhau.
- Kiểm tra chéo bởi ít nhất 2 nhân viên khi cấp phát từ kho cho khoa phòng, cấp phát cho người bệnh, khi thực hiện y lệnh.

Danh sách thuốc LASA được chia thành các nhóm:

A- Thuốc nhìn gần giống nhau (LA)

B- Thuốc đọc giống nhau, đọc gần giống nhau (SA).

Nơi nhận:

- Khoa lâm sàng;
- Lưu: KD.

Trưởng khoa Dược

(Đã ký)

DSCKII. Hà Thanh Liêm

STT	Tên thuốc		Ghi chú
DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU (LOOK ALIKE)			
1			Cùng NSX, cùng dạng bào chế, khác hoạt chất
	Comiaryl 2mg/500mg (Glimepirid + metformin)	Imidu 60mg (Isosorbid mononitrat 60mg)	

2	 Magnesi sulfat Kabi 15% (Magnesi sulfat 15%, dung tích 10ml)	 Nước cắt pha tiêm 10ml (Nước cắt pha tiêm, dung tích 10ml)	 Kali clorid Kabi 10% (Kali clorid 10%, dung tích 10ml)	Cùng dạng bào chế, cùng dung tích
3	 Vinphyton 10mg (Phytomenadion (vitamin K1) 10mg, dung tích 1ml)	 Vinterlin (Terbutalin 0,5mg, dung tích 1ml)	 VINZIX (Furosemid 20mg, dung tích 2ml)	Cùng NSX, cùng dạng bào chế, khác hoạt chất

4



TENFOVIX
(Tenofovir (TDF) 300mg)



Masopen 250/25
(Levodopa + carbidopa
250mg + 25mg)

Cùng dạng
bào chế,
khác hoạt
chất, khác
hàng lượng,
có mặt trước
giống nhau

5



Cinnarizin
(Cinnarizin 25mg)



Bromhexin
(Bromhexin hydrochlorid 8mg)

Cùng dạng
bào chế,
khác hoạt
chất, khác
hàm lượng

6



Nước cất pha tiêm
(Nước cất pha tiêm, dung tích 500ml)



Glucose 30%
(Glucose 30%, dung tích 500ml)

Cùng NSX,
cùng dạng
bào chế,
cùng dung
tích

7	 AGICETAM 800 (Piracetam 800mg)	 AGICETAM 400 (Piracetam 400mg)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, khác hàm lượng, khác dạng bào chế
---	---	--	---

DANH MỤC THUỐC ĐỌC GIỐNG NHAU (SPEAK ALIKE)

1	AGICETAM 400 (Piracetam 400mg)	AGICETAM 800 (Piracetam 800mg)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng
2	AGICLOVIR 800 (Acyclovir 800mg) AGIDOPA (Methyldopa 250mg)	AGIFUROS (Furosemid 40mg) AGITRITINE 100 (Trimebutin maleat 100mg)	Cùng NSX, cùng dạng bào chế, khác hoạt chất

3	Biracin – E (Tobramycin, nhỏ mắt)	Biragan 150 (Paracetamol 150mg)	Cùng NSX, khác dạng bào chế, khác hoạt chất
4	Captopril (Captopril 25mg)	Captopril Stella 25 mg (Captopril 25mg)	Cùng dạng bào chế, cùng hoạt chất, cùng hàm lượng, khác NSX
5	Cefuro-B 500 mg (Cefuroxime 500mg)	Cefuroxime 125mg (Cefuroxime 25mg)	Cùng hoạt chất, khác hàm lượng
	Cefuroxim 250 (Cefuroxime 250mg)		
6	Cetirizine Stella 10mg (Cetirizin 10mg)	Cetirizine Tablets 10 mg (Cetirizin 10mg)	Cùng dạng bào chế, cùng hoạt chất, cùng hàm lượng, khác NSX
7	Dalekine (Valproat natri 200mg)	Dalekine 500mg (Valproat natri 500mg)	Cùng dạng bào chế, cùng hoạt chất, khác hàm lượng, khác NSX
8	Dexamethason (Dexamethason 3,3mg/1ml)	DEXAMETHASON 0,5mg (Dexamethason 0,5mg)	Cùng hoạt chất, khác dạng bào chế, khác hàm lượng, khác NSX
9	Diamicron MR (Gliclazid 30mg)	Diamicron MR 60mg (Gliclazid 60mg)	Cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, cùng NSX khác hàm lượng
10	Diaphyllin Venosum (Aminophylin 4,8%/5ml)	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection (Diazepam 10mg/2ml)	Khác hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng, khác NSX
11	Digorich (Digoxin 0,25mg)	Aldoric Fort (Celecoxib 200mg)	Khác hoạt chất, khác dạng bào chế, khác hàm lượng, khác NSX
12	Imedroxil 500mg (Cefadroxil 500mg)	Imetoxim 1g (Cefotaxim 1g)	Cùng NSX, khác hoạt chất, khác dạng bào chế và hàm lượng
	Imefed 250mg/31,25mg (Amoxicilin + acid clavulanic 250/31,25mg)	Imexime 50 (Cefixime 50mg)	
13	Imidu 60 mg (Isosorbid mononitrat 60mg)	Imipenem Cilastatin Kabi (Imipenem + Cilastatin 500mg + 500mg)	
14	Incepavit 400 Capsule (Vitamin E 400 mg)	Incepazol 250 tablet (Metronidazol 250mg)	Cùng NSX, dạng viên, khác hoạt chất, khác hàm lượng

15	Kacerin (Cetirizin 10mg)	Kacetam 800 (Piracetam 800mg)	Cùng NSX, cùng dạng bào chế, khác hoạt chất, khác hàm lượng
16	AGICETAM 400 (Piracetam 400mg)	Kacetam 800 (Piracetam 800mg)	Cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng
	AGICETAM 800 (Piracetam 800mg)		
17	Kim Tiền Thảo (Râu mèo)	Kim tiền thảo PV (Kim tiền thảo)	Cùng dạng bào chế, khác hoạt chất
18	Lidocain Kabi 2% (Lidocain hydroclodrid 2%, dung tích 2ml)	Lipotatin 20mg (Atorvastatin 20mg)	Cùng NSX, khác dạng bào chế, khác hàm lượng
19	LOBETASOL (Clotrimazol + betamethason 100mg+6,4mg, Tuýp 10g)	Loperamid 2mg (Loperamid 2mg)	Khác dạng bào chế, khác hoạt chất, khác hàm lượng
20	LoratadinSPM 5mg (Loratadin 5mg)	LORAVIDI ((Loratadin 10mg)	Cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng
21	Magiebion (Magnesium lactat dihydrat + pyridoxin HCl 470mg + 5mg)	Magnesi-B6 (Vitamin B6 + magnesi lactat 5mg + 470mg)	Độc gần giống nhau, khác hoạt chất, khác hàm lượng, khác dạng bào chế
	Magnesi sulfat Kabi 15% (Magnesi sulfat 15%, dung tích 10ml)		
22	MECEFIX-B.E 50mg (Cefixim 50mg)	Medcelore Injection (Methyl prednisolon 40mg)	Khác hoạt chất, khác hàm lượng, khác dạng bào chế
23	Metformin 500mg (Metformin 500mg)	Metformine EG 1000mg (Metformin 1000mg)	Cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng
	Metformin Stella 1000 mg (Metformin 1000mg)		
24	Glucose 5% (Glucose 5%, chai 500ml)	Glucose 30% (Glucose 30%, chai 500ml)	Cùng hoạt chất, cùng hoạt chất, khác hàm lượng
	Glucose 10% (Glucose 10%, chai 500ml)		
25	Metronidazol 250 (Metronidazol 250mg)	Metronidazole 0,5g/100ml	Cùng hoạt chất, khác dạng bào chế, khác hàm lượng

		(Metronidazol 500mg, chai 100ml)	
26	Meyerbastin 20mg (Ebastine 20mg)	MEYEROXOFEN (Loxoprofen 60mg)	Cùng NSX, cùng dạng bào chế, khác hoạt chất, khác hàm lượng
27	Mezamazol (Thiamazol 5mg)	Mezatrihexyl (Magnesi trisilicat + nhôm hydroxyd 250mg+120mg)	Cùng NSX, khác hoạt chất, khác dạng bào chế, khác hàm lượng
28	Midanium (Midazolam 5mg, dung tích 1ml)	Midazolam - hameln 5mg/ml (Midazolam 5mg, dung tích 1ml)	Cùng NSX, khác hoạt chất, khác dạng bào chế, khác hàm lượng
	Midantin 875/125 (Amoxicilin + acid clavulanic 875mg+125mg)		
29	Nanokine 2000 IU (Erythropoietin 2000IU, dạng alpha)	Nanokine 4000 IU (Erythropoietin 4000IU, dạng alpha)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng
30	Natri clorid 0,9% (Natri clorid 0,9%, dung tích 500ml)	Natri clorid 3% (Natri clorid 3%, dung tích 100ml)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, khác hàm lượng, khác quy cách
31	Novomycine 1,5 M.IU (Spiramycin 1.500.000IU)	Novogyl (Spiramycin + metronidazol 750000 IU + 125mg)	Cùng NSX, khác hoạt chất, khác hàm lượng
	Novomycine 3 M.IU (Spiramycin 3.000.000IU)		
32	Ocembic 15 (Meloxicam 15mg)	Ocemethyl (Methyl prednisolon 4mg)	Cùng NSX, khác hoạt chất, khác hàm lượng
33	Ofloxacin (Ofloxacin 200mg)	Ofloxacin 200mg/100ml (Ofloxacin 200mg/100ml)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, cùng hàm lượng, khác dạng bào chế
34	Rotundin 30 (Rotundin 30mg)	Rotundin 60 (Rotundin 60mg)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng
35	Rovas 0.75M (Spiramycin 750.000UI)	Rovas 3M (Spiramycin 3.000.000UI)	Cùng NSX, cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, khác hàm lượng

36	Vinphacine (Amikacin 500mg, dung tích 2ml)	Vinphyton 10mg (Phytomenadion (vitamin K1) 10ml, dung tích 1ml)	Cùng NSX, khác hoạt chất, khác hàm lượng, khác dạng bào chế
	Vinphatoxin (Oxytocin 5IU/ml, dung tích 1ml)		